**MAKE CHANGES**

**git status**

liệt kê những file nào đã bị thay đổi và những file nào được theo dõi

**git add**

thêm file vào theo dõi

**git diff**

cho thấy sự khác biệt của tập tin chưa được tổ chức

//xem thay đổi của những file hiện tại chưa được add

**git diff –-staged**

cho thấy sự khác biết giữa các tập tin đã tổ chức và phiên bản cuối cùng của nó.

//xem thay đổi của những file đã được add

**git commit –m “[message]”**

 lưu lại một bản chụp (snapshot) của các sự thay đổi trong thư mục làm việc

**CONFIGURE TOOLING**

**git config –-global user.name “[name]”**

đặt tên để commit

**git config –global user.emal “[email]”**

đặt email để commit

**git config –global color.ui auto**

sử dụng kết quả git với nhiều màu

**CREATE REPOSITORIES**

**git ini**

tạo local repository

**git clone [url]**

tải project từ repository url

**GROUP CHANGES**

**git branch**

liệt kê tất cả các nhánh local trong repository hiện tại

**git branch [branch-name]**

tạo 1 nhánh mới

**git checkout [branch-name]**

chuyển nhánh

**git merge [branch]**

merge nhánh hiện tại với nhánh [branch]

**git branch –d [branch-name]**

xóa nhánh

**REFACTOR FILENAMES**

**git rm [file]**

xóa file

**git rm –cached [file]**

xóa file trên version control nhưng giữ lại file trên máy

**git mv [file-original] [file-renamed]**

đổi tên file và chuẩn bị cho commit

**REVIEW HISTORY**

**git log**

xem lịch sử commit

**git log –follow [file]**

**git diff [first-branch]…[second-branch]**

cho thấy sự khác biệt giữa 2 nhánh

**git show [commit]**

xem nhưng thay đổi và dữ liệu của [commit]

**REDO COMMITS  
git reset [commit]**

hoàn lại đến thời điểm trước [commit]

**git reset –hard [commit]**

loại bỏ toàn bộ lịch sử và thay đổi về [commit]

**SYNCHRONIZE CHANGES**

**git fetch [bookmark]**